

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 476/2026/DS-PT
Ngày: 06-4-2026
Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Lành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng
Bà Dương Thuý Hằng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1217/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 267/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1.

Địa chỉ: Đ: H L, phường L, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2025:

Ông Dương Thanh S; Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ: P, Tòa nhà S, đường C, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh;

Hoặc;

Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ: P, Tòa nhà S, đường C, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt.)

2. Bị đơn: Bà Trần Hải V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Hải V (có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong hồ sơ vụ án:

Ngày 21/10/2021, Ngân hàng TMCP V1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Hải V có ký kết hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) với nội dung cho bà V vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay: vay tiêu dùng phục vụ đời sống, thời hạn cho vay 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 26 %/năm. Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày. Kể từ ngày 15/6/2023 bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 29/9/2025 theo hợp đồng cho vay trên là 107.189.543 đồng; nợ lãi 102.978.036 đồng, tổng cộng 210.167.579 đồng. Lãi suất trong hạn tại thời điểm ngày 29/9/2025 là 26,7%/năm.

Ngày 19/5/2021, Ngân hàng và bà Trần Hải V có ký kết hợp đồng vay thẻ số 325-P-3230864 với nội dung: cho bà V vay số tiền 68.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 2,79%/tháng. Kể từ ngày 15/6/2023 bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 29/9/2025 theo hợp đồng cho vay thẻ nêu trên là 65.579.562 đồng; nợ lãi 101.018.574 đồng, tổng cộng 166.598.136 đồng.

Tổng cộng số tiền bà V còn nợ Ngân hàng theo 02 hợp đồng trên tính đến ngày 29/9/2025 là: Tổng nợ gốc: 172.769.105 đồng, tổng nợ lãi 203.996.610 đồng. Tổng cộng 376.765.715 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho bà V trả nợ nhưng bà V vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà V phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 376.765.715 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo Hợp đồng mà Ngân hàng đã ký kết với bà V.

Bị đơn bà Trần Hải V trình bày trong hồ sơ vụ án: Thừa nhận có nợ Ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng như Ngân hàng đã khởi kiện. Nay bà V đồng ý trả cho Ngân hàng số nợ gốc 86.404.947 đồng, xin không trả tiền lãi do hoàn cảnh khó

khẩn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 267/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Hải V.

2. Buộc bà Trần Hải V trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền 376.765.715 đồng (trong đó, nợ gốc: 172.769.105 đồng, nợ lãi 203.996.610 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 30/9/2025, bà Trần Hải V còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V1 khoản lãi quá hạn đối với số nợ gốc 172.769.105 đồng đồng theo Hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) ngày 21/10/2021 và Hợp đồng vay thế số 325-P-3230864 ngày 19/5/2021 do bà Trần Hải V đã ký kết với Ngân hàng TMCP V1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2025, bà Trần Hải V là bị đơn trong vụ án, có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa Bản án dân sự 267/2025/DS – ST, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh theo hướng trả số tiền gốc, xin không trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Hải V cung cấp bảng kê số tiền đã trả cho ngân hàng đối với hợp đồng vay thế số 325-P-3230864 số tiền 28.652.640 đồng; trả cho hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) số tiền 102.942.413 đồng. Tuy nhiên bà V không xác định được trong đó bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi. Bà V đề nghị được trừ toàn bộ số tiền này vào tiền gốc.

Đại diện Ngân hàng TMCP V1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Việc bà V yêu cầu trừ toàn bộ số tiền đã trả vào tiền nợ gốc là không phù hợp với hợp đồng ký kết giữa các bên và không phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Hải V là bị đơn nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hải V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự thống nhất nội dung, bà Trần Hải V vay của Ngân hàng V1 hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) số tiền 150.000.000 đồng và hợp đồng vay thẻ số 325-P-3230864 số tiền 68.000.000 đồng. Kể từ ngày 15/6/2023 bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Ngân hàng khai: Hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061), bà V trả được 42.810.457 đồng tiền gốc và 54.832536 đồng tiền lãi. Đối với hợp đồng vay thẻ số 325-P-3230864, bà V trả được 2.420.438 đồng tiền gốc và lãi 37.299.549 đồng. Bà V xác định số tiền cả gốc và lãi bà V đã trả cho ngân hàng là đối với hợp đồng vay thẻ số 325-P-3230864 số tiền 28.652.640 đồng; trả cho hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) số tiền 102.942.413 đồng. Như vậy, thực tế số tiền Ngân hàng thừa nhận bà V đã trả nhiều hơn số tiền bà V kê khai. Bà V yêu cầu được trừ toàn bộ số tiền này vào nợ gốc là không có căn cứ chấp nhận.

Tổng cộng số tiền bà V còn nợ Ngân hàng theo 02 hợp đồng trên tính đến ngày 29/9/2025 là: Tổng nợ gốc: 172.769.105 đồng, tổng nợ lãi 203.996.610 đồng. Tổng cộng 376.765.715 đồng.

Bà V đề nghị chỉ tiếp tục trả 86.404.947 đồng tiền gốc cho cả hai hợp đồng không được Ngân hàng chấp nhận, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất vụ án, áp dụng đúng pháp luật. Bà Trần Hải V kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí phúc thẩm dân sự:

Do kháng cáo của bà Trần Hải V không được chấp nhận nên bà Trần Hải V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hải V

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 267/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Hải V.

2. Buộc bà Trần Hải V trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền 376.765.715 đồng (trong đó, nợ gốc: 172.769.105 đồng, nợ lãi 203.996.610 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 30/9/2025, bà Trần Hải V còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V1 khoản lãi quá hạn đối với số nợ gốc 172.769.105 đồng đồng theo Hợp đồng vay số LN2110134494796 (LD2129401061) ngày 21/10/2021 và Hợp đồng vay thẻ số 325-P-3230864 ngày 19/5/2021 do bà Trần Hải V đã ký kết với Ngân hàng TMCP V1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.475.000 (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012859 ngày 19/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh Tây Ninh).

Bà Trần Hải V phải chịu 18.838.000 (Mười tám triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Hải V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0010448 ngày 03 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 12 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thuý Lành